

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/KDTM-ST

Ngày: 19/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2024/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 409/2024/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Trọng D và ông Nguyễn Quốc H; Cùng địa chỉ: Tầng X Tòa nhà A, số L đường C, Phường N, Quận P, TP. Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2765/2024/UQ –KHDNMN ngày 30/3/2024) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu M; địa chỉ: Số A đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình H – Giám đốc (Vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1981

2/ Bà Trần Thị Quỳnh H, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số A đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; lời khai của những người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa án của ông Đặng Trọng D và ông Nguyễn Quốc H là những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu M (Sau đây được viết tắt là Công ty M) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng V) theo các hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020, hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022 và các khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020. Theo khế ước nhận nợ lần 01/Số GVP/20788-01 ngày 30/11/2020. Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 971.550.000 đồng, thời hạn vay 70 tháng, ngày giải ngân 30/11/2020, ngày đến hạn là 30/9/2026, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 8.3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty M đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 458.700.000 đồng và nợ lãi là 221.378.521 đồng. Vì vậy dư nợ tính đến ngày 19/9/2024 là 617.574.086 đồng, trong đó nợ gốc: 512.850.000 đồng; nợ lãi: 104.359.385 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 3.637.050 đồng, lãi quá hạn là 100.722.335 đồng) và lãi chậm thanh toán là 364.701 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022, tính đến ngày 19/9/2024 dư nợ còn lại là: 1.949.700.003 đồng. Trong đó:

+ Khế ước nhận nợ số: 120423-5065995-ONL-17 ngày 13/4/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 161.909.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 13/4/2023, ngày đến hạn là 13/10/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18,4%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã thực hiện thanh toán cho V số tiền nợ gốc là 1.841 đồng, tiền nợ lãi là 5.088.618 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, dư nợ gốc là 161.907.159 đồng; nợ lãi là 47.025.887 đồng (trong đó lãi trong hạn 7.225.781 đồng, lãi quá hạn 39.800.106 đồng); lãi chậm thanh toán 734.456 đồng. Tổng dư nợ là 209.667.502 đồng;

+ Khế ước nhận nợ số: 050523-5065995-ONL-18 ngày 05/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 350.146.500 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 05/5/2023, ngày đến hạn là 05/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18.3%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty M không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc, đã thanh toán lãi là 5.324.250 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, dư nợ gốc là 350.146.500 đồng; nợ lãi là 103.260.497 đồng (trong đó lãi trong hạn là 17.406.493 đồng, lãi quá hạn là 85.854.004 đồng); nợ lãi do chậm thanh toán là 1.769.263 đồng. Tổng dư nợ là 455.176.260 đồng;

+ Khế ước nhận nợ số: 080523-5065995-ONL-19 ngày 08/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 690.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 08/5/2023, ngày đến hạn là 08/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18.3%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty M chưa thanh toán cho V số tiền nợ gốc, đã thanh toán nợ lãi 10.869.830 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, dư nợ gốc là 690.000.000 đồng; nợ lãi là 202.225.800 đồng (trong đó lãi trong hạn là 33.220.146 đồng, lãi quá hạn là 169.005.654 đồng); nợ lãi do chậm thanh toán là 3.376.623 đồng. Tổng dư nợ là 895.602.423 đồng;

+ Khế ước nhận nợ số: 100523-5065995-ONL-20 ngày 10/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 10/5/2023, ngày đến hạn là 10/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18.3%/năm. Thực hiện hợp đồng, Công ty chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng V, đã thanh toán lãi là 4.569.143 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024 Công ty M còn dư nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 87.816.473 đồng (Lãi trong hạn là 14.140.994 đồng, lãi quá hạn là 73.675.479 đồng); Lãi chậm thanh toán là 1.437.345 đồng. Tổng dư nợ là 389.253.818 đồng.

- Ngoài ra, theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 139-C-169216 ngày 17/11/2021 giữa Công ty M và Ngân hàng V thì Công ty M được Ngân hàng chấp nhận hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 200.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 32%/năm. Quá trình sử dụng thẻ Công ty M đã thanh toán nợ gốc là 458.701.841 đồng và lãi là 247.230.362 đồng, tạm tính đến hết ngày 19/9/2024 Công ty M còn nợ là 441.441.441 đồng, trong đó nợ gốc là 299.869.958 đồng và nợ lãi 141.571.483 đồng (Thẻ tín dụng đã được chuyển tạm khóa vào ngày 25/9/2023).

Về lãi suất trong các hợp đồng, Ngân hàng V tính với khách hàng như sau: Đối với nợ lãi trong hạn: Lãi trong hạn = ((Lãi suất x số ngày duy trì số dư x số dư gốc duy trì)/365). Đối với nợ lãi quá hạn: Lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong

hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo đó, lãi quá hạn = (((Lãi suất quá hạn x số ngày duy trì số dư) x số dư nợ gốc duy trì)/365). Đối với nợ lãi chậm trả lãi: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT/NHNN thì lãi chậm trả lãi = ((Nợ lãi trong hạn chưa thanh toán x 10% x số ngày chậm thanh toán)/365).

Để bảo đảm cho khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau:

- Thẻ chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số khung RLUSV813DLN016758, số máy G4KJLD063094, biển số 51H-435.07, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty M đứng tên chủ sở hữu. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, theo hợp đồng thế chấp số GVP/20789 ngày 30/11/2020. Hiện xe ô tô trên do Công ty M đang quản lý, sử dụng. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020 của Công ty M.

- Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H lần lượt theo các hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.01 ngày 11/5/2022 và hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.02 ngày 11/5/2022, hợp đồng bảo lãnh số EGV/21579/HDBL.01 và hợp đồng bảo lãnh số EGV/21579/HDBL.02 ngày 10/11/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, khoản nợ của Công ty M đã được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký. Đối với hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020, ngày quá hạn là 20/9/2023; hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022 ngày quá hạn là ngày 15/09/2023; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 139-C-169216 nợ quá hạn từ 27/9/2023. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty M và các bên liên quan để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm, nhưng Công ty M và các bên liên quan cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

Nay Ngân hàng V yêu cầu Công ty M thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 19/9/2024 là 3.008.715.530 đồng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trên. Trong đó dư nợ của 02 hợp đồng vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020 và hợp đồng số GVP/22076 ngày 11/5/2022: Nợ gốc 2.014.903.659 đồng; lãi trong hạn 75.630.464 đồng; lãi quá hạn: 469.057.578 đồng; lãi chậm trả: 7.682.388 đồng. Nợ thẻ tín dụng: 441.441.441 đồng. Trả 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 20/9/2024, Công ty M vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi Công ty M thanh toán đầy đủ khoản vay, Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên cho Công ty M.

Trường hợp Công ty M vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì ông Đỗ Đình H và và Trần Thị Quỳnh H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty M theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Yêu cầu Công ty M phải chịu chi phí tố tụng, hoàn lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng Ngân hàng V đã tạm nộp cho Tòa án.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại địa chỉ Số A đường P, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như không nhận được tài liệu, chứng cứ của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 17/7/2024 và gửi cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ông Đặng Trọng D và ông Nguyễn Quốc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bà bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và

các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ vay của các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 139-C-169216; Về hình thức và nội dung các hợp đồng trên phù hợp với quy định của pháp luật. Về thỏa thuận lãi suất, lãi phạt và các loại phí trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ sao kê tính lãi tính đến ngày 19/9/2024 Công ty M còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 3.008.715.530 đồng. Cụ thể: Hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020, dư nợ là 617.574.086 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022, dư nợ là 1.949.700.003 đồng và dư nợ thẻ tín dụng là 441.441.441 đồng. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty M đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng V.

Về hợp đồng thế chấp và các hợp đồng bảo lãnh được ký kết đúng với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn không đến Tòa không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm nộp. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng V có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán tổng khoản nợ gốc và tiền lãi và lãi phạt do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 3.008.715.530 đồng, phát sinh theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số

139-C-169216 ngày 17/11/2021; Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và yêu cầu trách nhiệm của người bảo lãnh đối với khoản nợ vay của bị đơn. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 1 Điều 30 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận G; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ vướng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về đơn sửa đổi bổ sung ngày 03/4/2024 về việc sửa đổi địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kèm theo công văn số 2766/2024/TB ngày 30/3/2024 phù hợp với hồ sơ khởi kiện và quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với toàn bộ khoản nợ vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng mà Công ty M đã ký với Ngân hàng V, tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 3.008.715.530 đồng. Căn cứ các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020; hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 139-C-169216 ngày 17/11/2021 thể hiện giữa công ty M và Ngân hàng V hai bên có thỏa thuận ký kết các hợp đồng tín dụng trên. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT/NHNN ngày 30/12/2016 và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Đối với hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số GVP/20788 ngày 30/11/2020; khế ước nhận nợ lần 01/Số GVP/20788-01 ngày 30/11/2020; hợp đồng thế chấp tài sản ngày 30/11/2020; văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm. Căn cứ vào bảng kê tính lãi, lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với các văn bản và các tài liệu khác của Ngân hàng V, thể hiện Ngân hàng cho Công ty M vay số tiền 971.550.000 đồng, thời hạn vay 70 tháng, ngày giải ngân 30/11/2020, ngày đến hạn là 30/9/2026, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 8,3%/năm, cố định trong vòng 12 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kì 01 tháng/lần, điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày

01/12/2021. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay. Các kỳ trả nợ gốc định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 20, kỳ trả gốc đầu tiên là vào ngày 20/12/2020, tổng cộng gồm 70 kỳ, số nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 13.900.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 12.450.000 đồng. Các kỳ trả lãi định kỳ 1 tháng trả 1 lần, trả vào ngày 20 hàng tháng, kỳ đầu vào ngày 20/12/2020. Biện pháp bảo đảm tiền vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số 51H-435.07, giấy đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty M đứng tên chủ sở hữu, ngày đăng ký 27/11/2020, theo hợp đồng thế chấp số GVP/20789 ngày 30/11/2020 và được đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 30/11/2020.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân đủ số tiền 971.550.000 đồng cho Công ty M theo khế ước nhận nợ lần 01/Số GVP/20788-01 ngày 30/11/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 458.700.000 đồng, lãi là 221.378.521 đồng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Từ ngày 20/9/2023 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 19/9/2024, dư nợ gốc là 512.850.000 đồng; lãi trong hạn là 3.637.050 đồng; lãi quá hạn là 100.722.335 đồng và lãi chậm thanh toán là 364.701 đồng. Tổng dư nợ là 617.574.086 đồng. Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 19/9/2024 là 617.574.086 đồng, phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022; Giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 08/4/2022, thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong giao kết hồ sơ tín dụng; các khế ước nhận nợ. Căn cứ vào bảng kê tính lãi, lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với các văn bản và các tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định Công ty M có ký kết với Ngân hàng V hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022. Theo nội dung hợp đồng thì hạn mức cho vay là 2.500.000.000 đồng, hạn mức này bao gồm hạn mức và dư nợ vay ngắn hạn không tài sản bảo đảm. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mỗi lần vay vốn các bên ký kết khế ước nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất cũng như thời hạn trả nợ thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H theo các hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.01 và GVP/22076/HDBL.02 ngày 11/5/2022. Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh khoản nợ vay của bị đơn đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 1.340.308.409 đồng, thể hiện tại các khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ số: 120423-5065995-ONL-17 ngày 13/4/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 161.909.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 13/4/2023, ngày đến hạn là 13/10/2023, mục đích vay để bổ

sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18,40%/năm, cố định trong vòng 01 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9,30%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/5/2023. Trả gốc 1 lần vào ngày 13/10/2023. Trả lãi định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 15/5/2023. Theo bản sao kê thể hiện, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân vào tài khoản bên thụ hưởng đủ số tiền vay trên để bị đơn thanh toán theo hóa đơn số 0000093 ngày 12/4/2023. Sau khi vay Công ty M đã thanh toán số tiền nợ gốc là 1.841 đồng, tiền nợ lãi là 5.088.618 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, còn nợ gốc là 161.907.159 đồng; lãi trong hạn 7.225.781 đồng, lãi quá hạn 39.800.106 đồng; lãi chậm thanh toán 734.456 đồng. Tổng dư nợ là 209.667.502 đồng;

+ Khế ước nhận nợ Số: 050523-5065995-ONL-18 ngày 05/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 350.146.500 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 05/5/2023, ngày đến hạn là 05/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18,30%/năm, cố định trong vòng 01 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9,30%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/5/2023. Thanh toán gốc 1 lần vào ngày 05/11/2023. Trả lãi định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 15/6/2023. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V đã giải ngân vào tài khoản bên thụ hưởng đủ số tiền vay trên để bị đơn thanh toán theo hóa đơn số 00000143 ngày 27/4/2023. Sau khi vay Công ty M chưa thanh toán nợ gốc, đã thanh toán lãi là 5.324.250 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, còn dư nợ gốc là 350.146.500 đồng; nợ lãi trong hạn là 17.406.493 đồng, lãi quá hạn là 85.854.004 đồng; nợ lãi do chậm thanh toán là 1.769.263 đồng. Tổng dư nợ là 455.176.260 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 080523-5065995-ONL-19 ngày 08/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 690.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 08/5/2023, ngày đến hạn là 08/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18,30%/năm, cố định trong vòng 01 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9,30%/năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/6/2023. Thanh toán gốc 1 lần vào ngày 08/11/2023. Trả lãi định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 15/6/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng V đã giải ngân vào tài khoản bên thụ hưởng đủ số tiền vay trên để bị đơn thanh toán theo hóa đơn số 580 ngày 06/5/2023. Sau khi vay Công ty M chưa thanh toán nợ gốc, đã thanh toán nợ lãi 10.869.830 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024, nợ gốc là 690.000.000 đồng; nợ lãi trong

hạn là 33.220.146 đồng, lãi quá hạn là 169.005.654 đồng; nợ lãi do chậm thanh toán là 3.376.623 đồng. Tổng dư nợ là 895.602.423 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Số: 100523-5065995-ONL-20 ngày 10/5/2023: Công ty M đã được Ngân hàng V giải ngân số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân 10/5/2023, ngày đến hạn là 10/11/2023, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán buôn chế phẩm vệ sinh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18,30%/năm, cố định trong vòng 01 tháng đầu tiên. Hết thời hạn trên, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/6/2023. Thanh toán gốc 1 lần vào ngày 10/11/2023. Trả lãi định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 15/6/2023. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V đã giải ngân vào tài khoản bên thụ hưởng đủ số tiền vay trên để bị đơn thanh toán theo hóa đơn số 605 ngày 10/5/2023. Sau khi vay Công ty M chưa thanh toán nợ gốc, đã thanh toán lãi là 4.569.143 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024 còn dư nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn là 14.140.994 đồng, lãi quá hạn là 73.675.479 đồng và lãi chậm thanh toán là 1.437.345 đồng. Tổng dư nợ là 389.253.818 đồng. Như vậy, tính đến ngày 19/9/2024 Công ty M còn nợ là 1.949.700.003 đồng, theo hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022. Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V yêu cầu thanh toán khoản nợ trên và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo 139-C-169216 ngày 17/11/2021 giữa Công ty M và Ngân hàng V thì Công ty M có nội dung, hạn mức tín dụng thẻ là 200.000.000 đồng. Thời hạn, hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là 60 tháng, lãi suất áp dụng 32%/năm, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại bản điều kiện giao dịch chung, phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 về hoạt động thẻ Ngân hàng nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Biện pháp bảo đảm: Được ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H bảo lãnh theo các hợp đồng bảo lãnh số EGV/21579/HDBL.01 và hợp đồng bảo lãnh số EGV/21579/HDBL.02 ngày 10/11/2021. Thực hiện hợp đồng Công ty M đã thanh toán là 458.701.841 đồng và lãi là 247.230.362 đồng. Tính đến ngày 19/9/2024 Công ty M còn nợ là 441.441.441 đồng, trong đó nợ gốc là 299.869.958 đồng và nợ lãi 141.571.483 đồng. Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng V yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ thẻ trên và lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm

một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số 51H-435.07 do Công ty M đứng tên chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số GVP/20789 ngày 30/11/2020 để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên của Công ty M. Xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản các bên ký kết và được đăng ký biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tòa án có văn bản thông báo đến bị đơn về buổi xem xét thẩm định tài sản thế chấp và yêu cầu bị đơn đưa tài sản thế chấp đến địa chỉ của bị đơn để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định. Tuy nhiên, tại buổi xem xét thẩm định vắng mặt bị đơn nên không xem xét, thẩm định được đối với tài sản thế chấp.

- Đối với hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020 có thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay có nội dung để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của khách hàng theo hợp đồng vay trên các bên áp dụng biện pháp bảo đảm thế chấp 01 xe ô tô, thể hiện cụ thể tại hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2020. Theo nội dung hợp đồng thế chấp, tại khoản 4 Điều 1, Ngân hàng xác định giá tài sản thế chấp là 1.143.000.000 đồng. Ngân hàng cấp tín dụng cho bên thế chấp với số tiền cao nhất là 971.550.000 đồng. Tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp xác định tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020. Theo khế ước nhận nợ cùng ngày thì Công ty M đã nhận đủ số tiền vay 971.550.000 đồng. Do đó, đủ cơ sở xác định tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2020 là để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, nếu trong trường hợp Công ty M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020 tính đến ngày 19/9/2024 là 617.574.086 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2024 của hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô biển số 51H-435.07, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty M đứng tên, theo hợp đồng thế chấp số GVP/20789 ngày 30/11/2020, được đăng ký biện pháp bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp mà giá trị tài sản lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của bị đơn (theo hợp đồng tín dụng 30/11/2020) thì sau khi thanh toán và trừ các chi phí cho việc xử lý tài sản thế chấp, số tiền còn lại nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn. Ngay sau khi toàn bộ khoản nợ của bị đơn phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020 được thanh toán xong thì nguyên đơn phải hoàn trả lại cho bị đơn toàn bộ bản chính tài sản thế chấp - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty M, theo hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2020.

- Đối với hợp đồng cho vay hạn mức ngày 11/5/2022. Xét thấy, tại Điều 7 Giấy đề nghị vay vốn bị đơn đề nghị thể hiện khoản vay được bảo lãnh cá nhân. Tại điểm 1.1, khoản 1 Điều 2 của hợp đồng tín dụng có thỏa thuận “*hạn mức vay: 2.500.000.000 đồng. Hạn mức*

này bao gồm hạn mức và dư nợ vay ngắn hạn không tài sản bảo đảm...”; Tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng tín dụng thỏa thuận *“chi tiết các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây ...”* và tại phần này của hợp đồng chỉ ghi chi tiết về hợp đồng bảo lãnh của bà H và Ông H, mà không ghi chi tiết về tài sản bảo đảm, mặt khác hợp đồng tín dụng được lập sau khi đã có hợp đồng thế chấp các bên đã biết rõ tài sản thế chấp, hợp đồng thế chấp nhưng không ghi chi tiết về số hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp. Tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.01 ngày 11/5/2022 có thỏa thuận, Ngân hàng được quyền yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu bên bảo lãnh nghĩa vụ bảo lãnh với bên ngân hàng, tuy nhiên sau thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2022 thì hai bên không có lập bất kỳ văn bản bổ sung về tài sản bảo đảm. Tại bản điều kiện chung về biện pháp bảo đảm có quy định *“Nếu tại Hợp đồng các bên lựa chọn trường hợp không áp dụng Biện pháp bảo đảm: Các bên thống nhất thực hiện theo thoả thuận dưới đây: 1. Bên Ngân hàng đồng ý cho Khách hàng vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín của khách hàng, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay...”*. Hợp đồng tín dụng trên các bên thỏa thuận là hợp đồng vay được bảo lãnh cá nhân, không tài sản bảo đảm. Do đó, đủ cơ sở để xác định khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2022 là khoản vay không tài sản bảo đảm, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận về yêu cầu của nguyên đơn phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2022.

- Đối với hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 17/11/2021. Xét thấy, tại khoản 2 phần A của giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ghi hạn mức tín dụng thẻ không có tài sản bảo đảm. Tại điểm 1 khoản 4 của phần A của hợp đồng về biện pháp bảo đảm thể hiện có phần ghi tên tài sản bảo đảm nhưng các bên không ghi tên tài sản thế chấp, trong khi hợp đồng thế chấp đã được lập trước đó có thể hiện tên tài sản thế chấp, chủ sở hữu. Tại điểm 2 khoản 4 của hợp đồng thể hiện chi tiết biện pháp và tài sản bảo đảm, thì hợp đồng có ghi rõ biện pháp bảo đảm là hợp đồng bảo lãnh của bà H và Ông H, không ghi rõ chi tiết tài sản thế chấp. Tại Khoản 1 Điều 4 của bản điều kiện giao dịch chung về phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quy định về biện pháp bảo đảm đã ghi rõ *“V đồng ý cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của khách hàng bảo lãnh cá nhân của các thành viên/cổ đông của khách hàng (nếu có), không có tài sản bảo đảm”*. Từ những cơ sở trên đủ để xác định hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là không tài sản bảo đảm. Do đó, Hội đồng xét xử là không chấp nhận về yêu cầu của nguyên đơn phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ của bị đơn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/11/2021.

[2.4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, theo các Hợp đồng bảo lãnh mà Ông H và bà H đã ký. Xét các hợp đồng bảo lãnh nhận thấy: Ông H và bà H bảo lãnh nghĩa vụ của bị đơn bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của Ông H và bà H theo các hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.01 và số GVP/22076/HDBL.02 ngày 11/5/2022; hợp đồng bảo lãnh số EGV/21579/HDBL.01 và số EGV/21579/HDBL.02 ngày 10/11/2021. Theo nội dung các hợp đồng bảo lãnh thì phạm vi bảo lãnh Ông H và bà H bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng vay hạn mức ngày 11/5/2022 và văn kiện tín dụng do bên được bảo lãnh ký kết với ngân hàng. Các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này. Từ những cơ sở trên đủ xác

định khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trên được Ông H và bà H bảo lãnh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu Ông H và bà H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với toàn bộ các khoản nợ của bị đơn theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[3] Về chi phí tố tụng: 5.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ vay được chấp nhận và yêu cầu về phát mại xe thu hồi nợ đối với hợp đồng 30/11/2020 được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán nợ được chấp nhận nên Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.174.311 đồng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn không được tòa án chấp nhận về yêu cầu phát mại tài sản thu hồi khoản nợ của bị đơn theo hợp đồng vay hạn mức 11/5/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nên nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 3.000.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 41.781.698 theo biên lai thu số 0013402 ngày 30/01/2024. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 38.781.698 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 70, khoản 1 Điều 188, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT/NHNN ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 Quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số nợ gốc, lãi và lãi phạt do chậm trả tính đến ngày 19/9/2024 là 3.008.715.530 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

- Thanh toán khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số GVP/20788 ngày 30/11/2020; khế ước nhận nợ lần 01/Số GVP/20788-01 ngày 30/11/2020, tính đến ngày 19/9/2024 với tổng dư nợ là 617.574.086 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 512.850.000 đồng, lãi trong hạn là 3.637.050 đồng, lãi quá hạn là 100.722.335 đồng và lãi chậm thanh toán là 364.701 đồng. Kể từ ngày 20/9/2024 bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số GVP/20788 ngày 30/11/2020 thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số khung RLUSV813DLN016758, số máy G4KJLD063094, biển số 51H-435.07, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu M, theo hợp đồng thế chấp số GVP/20789 ngày 30/11/2020 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp mà giá trị tài sản lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của bị đơn (theo hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020) thì sau khi thanh toán và trừ các chi phí cho việc xử lý tài sản thế chấp, số tiền còn nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn. Ngay sau khi toàn bộ khoản nợ của bị đơn phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2020 được thanh toán xong thì nguyên đơn phải hoàn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020, theo hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2020.

- Thanh toán khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng GVP/22076 ngày 11/5/2022, theo các khế ước nhận nợ với tổng số nợ là 1.949.700.003 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.502.053.659 đồng, lãi trong hạn 71.993.414 đồng, lãi quá hạn 368.335.243 và lãi chậm thanh toán là 7.317.687 đồng. Cụ thể:

+ Khế ước nhận nợ Số: 120423-5065995-ONL-17 ngày 13/4/2023: Nợ gốc là 161.907.159 đồng; lãi trong hạn 7.225.781 đồng; lãi quá hạn 39.800.106 đồng và lãi chậm thanh toán 734.456 đồng. Tổng dư nợ là 209.667.502 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Số: 050523-5065995-ONL-18 ngày 05/5/2023: Nợ gốc là 350.146.500 đồng; nợ lãi trong hạn là 17.406.493 đồng; lãi quá hạn là 85.854.004 đồng; nợ lãi do chậm thanh toán là 1.769.263 đồng. Tổng dư nợ là 455.176.260 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 080523-5065995-ONL-19 ngày 08/5/2023: nợ gốc là 690.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 33.220.146 đồng, lãi quá hạn là 169.005.654 đồng; nợ lãi do chậm thanh toán là 3.376.623 đồng. Tổng dư nợ là 895.602.423 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 100523-5065995-ONL-20 ngày 10/5/2023: Nợ gốc là 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 14.140.994 đồng; lãi quá hạn là 73.675.479 đồng và lãi chậm thanh toán 1.437.345 đồng. Tổng dư nợ là 389.253.818 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2024, bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

- Thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng là: 441.441.441 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là 299.869.958 đồng và nợ lãi 141.571.483 đồng. Kể từ ngày 20/9/2024 Công ty M tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trách nhiệm của người bảo lãnh: Ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký gồm: Hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.01 ngày 11/5/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số GVP/22076/HDBL.02 ngày 11/5/2022, Hợp đồng bảo lãnh EGV/21579/HDBL.01 ngày 10/11/2021 và Hợp đồng bảo lãnh EGV/21579/HDBL.02 ngày 10/11/2021. Cụ thể:

- Đối với hợp đồng cho vay số GVP/20788 ngày 30/11/2020. Trong trường hợp, sau khi phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, số tiền phát mại không đủ trả khoản nợ của bị đơn, thì ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho nguyên đơn theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Đối với hợp đồng vay hạn mức số GVP/22076 ngày 11/5/2022 và hợp đồng thẻ tín dụng ngày 17/11/2021, trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ông Đỗ Đình H và bà Trần Thị Quỳnh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bị đơn là chiếc xe ô tô biển số 51H-435.07, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 628196 đăng ký ngày 27/11/2020, theo hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2020 để thu hồi các khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng vay hạn mức ngày 11/5/2022 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/11/2021.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn chịu chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nên bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã tạm nộp chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu M phải chịu án phí sơ thẩm là 92.174.311 đồng (Chín mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười một đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 41.781.698 (Bốn mươi một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0013402 ngày 30/01/2024. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 38.781.698 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế